

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST

Ngày 10-3-2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Phan Tuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Văn Be;
2. Ông Phan Văn Hoàng.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Tuyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Minh Mẫn, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1970; CCCD: 072170000739, cấp ngày 12/8/2022; địa chỉ: Tổ I, ấp V, xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*- Bị đơn:* Ông Cao Văn H1, sinh năm: 1967; CCCD: 072067000014, cấp ngày 05/12/2022; địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 16-01-2026, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H trình bày:*

Bà và ông Cao Văn H1 chung sống với nhau từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau, không có tiếng nói chung, năm 1998 ông Cao Văn H1 bỏ nhà đi đến nay không quay về nhà lần nào. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên bà xin ly hôn với ông Cao Văn H1.

Về con chung: Có 03 người tên Cao Thị Ngọc T, sinh năm 1988, Cao Thị

Ngọc T1, sinh năm 1989 và Cao Văn T2, sinh năm 1992. Tất cả đã trưởng thành, có gia đình sống riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Cao Văn H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân ông thống nhất với phần trình bày của bà Lê Thị Thanh H; nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau nên nay bà Lê Thị Thanh H xin ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 người tên Cao Thị Ngọc T, sinh năm 1988, Cao Thị Ngọc T1, sinh năm 1989 và Cao Văn T2, sinh năm 1992 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; người tham gia tố tụng nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định nên tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Thanh H với ông Cao Văn H1 là vợ chồng; về con chung, tài sản chung, nợ chung không giải quyết; đương sự phải chịu án phí theo luật định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Cao Văn H1 có đơn xin vắng mặt; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H: Theo bà H khai năm 1988 bà với ông Cao Văn H1 tự nguyện chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình; nên mối quan hệ này không được pháp luật công nhận; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên

nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung; năm 1998 ông Cao Văn H1 bỏ nhà đi đến nay không quay về nhà. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên bà xin ly hôn với ông Cao Văn H1. Ông H1 đồng ý. Xét thấy do bà Lê Thị Thanh H và ông Cao Văn H1 không có đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Thanh H với ông Cao Văn H1.

[3] Về con chung: Có 03 người tên Cao Thị Ngọc T, sinh năm 1988, Cao Thị Ngọc T1, sinh năm 1989 và Cao Văn T2, sinh năm 1992 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001654 ngày 21-01-2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9; Điều 14 và Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Thanh H với ông Cao Văn H1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: bà Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001654 ngày 21-01-2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú./.

***Nơi nhận:***

- PGĐKT TA tỉnh TN;
- VKSND KV 10-TN;
- THADS KV 10-TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Mã hồ sơ: 03.D01.149.10.1018908

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Tuyền**

